

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NINH KIỀU
THÀNH PHỐ CT**

Bản án số: 37/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 23/6/2020

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CT

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Yên Nhi

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Hồ Thị H Luyến

2. Bà Đỗ Thị Lệ Hằng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phan Thị Ngọc Diệp - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố CT.

Trong ngày 23 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố CT xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 69/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2020 về “*Tranh chấp ly hôn*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 189/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **LNK**, sinh năm 1998 (có mặt)

Địa chỉ: Số xxx, yyy, zzz.

- *Bị đơn:* Ông **DHH**, sinh năm 1996 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số xyz, xyz, xyz.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/12/2019 và quá trình giải quyết, nguyên đơn bà LNK trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà và ông ĐHH tự nguyện đi đến hôn nhân và có đăng kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Xyz vào ngày 07 tháng 5 năm 2018. Quá trình chung sống thời gian đầu chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông H thường xuyên nhậu nhẹt không lo cho gia đình, dẫn đến cuộc sống chung không hạnh phúc. Sau nhiều lần tìm biện pháp để hàn gắn tình cảm nhằm duy trì cuộc hôn nhân nhưng không thể đạt được kết quả như mong muốn. Bà và ông H đã sống ly thân nhau gần 01 năm. Hiện tại bà H xác định không còn tình cảm với ông H nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông ĐHH.

- *Về con chung:* Trong thời gian chung sống bà và ông ĐHH có 01 con chung

là ĐAN (nữ), sinh ngày 27/10/2018, khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung, yêu cầu ông ĐHH cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng.

- *Về tài sản chung*: Bà H và ông H trình bày không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Bà H và ông H trình bày không có chung nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- ***Phía bị đơn ông ĐHH trình bày***: Ông thống nhất với lời trình bày của bà H về thời gian kết hôn và đăng ký kết hôn. Về nguyên nhân mâu thuẫn không đúng như lời bà H trình bày vì ông đã giảm nhậu nhẹt và đi làm gửi tiền về lo cho vợ con. Ngoài nguyên nhân nhậu nhẹt thì ông cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn khác dẫn đến việc bà H yêu cầu ly hôn là do gia đình bên ông và gia đình bà H mâu thuẫn với nhau. Tòa án đã cho ông có thêm thời gian để hàn gắn tình cảm với vợ nhưng bà H vẫn không cho ông cơ hội. Mặc dù vậy, ông vẫn có trách nhiệm với vợ con, ông đi làm ở CT để có thu nhập cao hơn đủ tiền gửi về lo cho vợ và con ở AG. Ông vẫn còn thương vợ nên ông không đồng ý ly hôn. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, ông không có ý kiến gì thêm.

- *Về con chung*: Ông H thống nhất với lời trình bày của bà H về con chung. Ông H đồng ý giao con cho bà H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung là cháu ĐAN (nữ), sinh ngày 27/10/2018, cho đến tuổi trưởng thành.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Ông H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng, cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Ông thống nhất với lời trình bày của bà H là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến gì thêm.

NH ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nH định:

1) Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà LNK và ông ĐHH tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Xyz vào ngày 07 tháng 5 năm 2018, nên xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ và điều chỉnh. Quá trình chung sống, bà H và ông H phát sinh mâu thuẫn và bà H có đơn khởi kiện nên xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp ly hôn*”, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai tham gia phiên tòa đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định pháp luật tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

2/Về nội dung:

- *Xét về quan hệ hôn nhân:* Bà H và ông H chung sống với nhau có đăng ký kết hôn ngày 07/5/2018 tại UBND xxxx, tỉnh AG, ông bà sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Theo bà H thì nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, ông H thường xuyên đi nhậu không chăm sóc lo lắng cho vợ con, cuộc sống không hạnh phúc. Phía ông H cho rằng mâu thuẫn chủ yếu là do gia đình hai bên bất hòa vì vậy dẫn đến việc bà H yêu cầu ly hôn. Giữa ông bà không mâu thuẫn nhiều, ông vẫn còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn. Ông bà được Tòa án tạo điều kiện về mặt thời gian để cùng khắc phục khuyết điểm, hàn gắn tình cảm nhằm xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng vẫn không thể hàn gắn tình cảm được.

Hội đồng xét xử nH thấy: Bà H xác định không còn tình cảm với ông H, không thật sự tha thiết với cuộc sống hôn nhân này. Hơn nữa, trên thực tế ông bà đã không sống chung với nhau, đã ly thân với nhau gần 01 năm, ông H sống tại CT, bà H sống tại AG, ông bà không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Từ đó, cho thấy tình cảm vợ chồng giữa bà H và ông H đã thật sự rạn nứt, hôn nhân đã chấm dứt trên thực tế. Do đó, đời sống chung giữa ông bà không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục chung sống cũng không đem lại hạnh phúc cho bà H cũng như ông H. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nH yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

- *Về con chung:* Trong thời gian chung sống bà LNK và ông ĐHH có 01 con chung là ĐAN (nữ), sinh ngày 27/10/2018, khi ly hôn bà H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay cháu ĐAN đang sống với bà H, điều kiện phát triển về tinh thần và sức khỏe của cháu vẫn phát triển tốt. NH thấy, cháu Như là nữ, việc trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục vì lợi ích của cháu và tại biên bản hòa giải ông H thống nhất giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Nên việc giao cháu ĐAN cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Do đó, yêu cầu của bà H là có căn cứ chấp nH.

- *Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung:* Bà H yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng. Ông H thống nhất mức cấp dưỡng nuôi con chung. Xét sự tự định đoạt của đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nH việc ông H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.0000 đồng/tháng.

Song, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con cái là thiêng liêng nên người không trực tiếp nuôi con (ông H) có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở ông H thực hiện quyền này.

Tuy nhiên, khi người trực tiếp nuôi con không đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung thì người không trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Ghi nH lời trình bày của bà H và ông H về việc không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

- *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Nguyên đơn bà LNK phải chịu 300.000 đồng.

- *Về án phí cấp dưỡng nuôi con chung*: Bị đơn ông ĐHH chịu 150.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 207, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51, Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2017/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nH yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà LNK.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà LNK được ly hôn ông ĐHH.

- *Về con chung*: Giao con chung tên ĐAN, (nữ) sinh ngày 27/10/2018, cho bà LNK trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Ghi nH việc ông ĐHH tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông ĐHH, không ai được quyền cản trở ông H thực hiện quyền này.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Ghi nH lời trình bày của bà H và ông H về việc không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

- *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: + Nguyên đơn bà LNK phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), chuyển tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 002268 ngày 17/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố CT thành án phí. Bà H đã nộp xong án phí.

+ Bị đơn ông ĐHH phải chịu 150.000 đồng án phí cấp dưỡng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (*đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo kể từ ngày nH được bản án hoặc bản án được niêm yết*), để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố CT giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

* **Nơi nH:**

- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân thị trấn TB,
h. TB, t. AG;
- Viện kiểm sát nhân dân Q.Ninh Kiều;
- Chi cục Thi hành án dân sự Q.Ninh Kiều;
- Tòa án nhân dân TP.CT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Thị Yến Nhi